

Quảng Xương, ngày 21 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 275; Điều 280; 317; 318; 319; 320; 322; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 95 Luật tổ chức tín dụng.

Căn cứ Điều 6; khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Điểm e, tiểu mục 1.4, mục 1, phần II, A. Danh mục án phí kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 13 tháng 4 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 03/2023/TLST - KDTM ngày 27/10/2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Ngân hàng N

Địa chỉ: Số 02 đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thi Văn T - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lại Thế H và bà Nguyễn Thu H - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH N.

+ **Bị đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn T

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn H - chức vụ: Giám đốc công ty.

+ **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Bùi Văn H - sinh năm 1981

Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1987 (vợ ông H)

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá.

Nơi cư trú hiện nay: Số nhà 10, Mặt bằng 23, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

- Ông Đặng Văn C - sinh năm 1969

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Tính đến ngày 13/4/2023 Công ty trách nhiệm hữu hạn T còn nợ Ngân hàng N

- Số tiền gốc: 13.670.257.440 đồng;

- Lãi trong hạn: 1.293.577.050 đồng

- Lãi quá hạn: 454.221.993 đồng

Tổng gốc và lãi là: 15.418.056.483 đồng (mười lăm tỉ bốn trăm mười tám triệu không trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi ba đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 3519-LAV-202001245 ngày 19/02/2020 và các Phụ lục ký kèm theo và Hợp đồng tín dụng số: 3519-LAV-202200504 ngày 17/01/2022 và các Phụ lục ký kèm theo giữa Ngân hàng N với Công ty trách nhiệm hữu hạn T.

Về thời hạn thanh toán: Công ty trách nhiệm hữu hạn T có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc và lãi là: 15.418.056.483 đồng (mười lăm tỉ bốn trăm mười tám triệu không trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi ba đồng) cho Ngân hàng N vào các lần cụ thể như sau:

Kỳ 1: Ngày 25/4/2023 trả số tiền 200.000.000đ tiền gốc

Kỳ 2: Ngày 25/5/2023 trả số tiền 300.000.000đ tiền gốc

Kỳ 3: Ngày 25/6/2023 trả số tiền 300.000.000đ tiền gốc

Kỳ 4: Ngày 25/7/2023 trả số tiền 1.000.000.000đ tiền gốc

Kỳ 5: Ngày 25/8/2023 trả số tiền 1.000.000.000đ tiền gốc

Kỳ 6: Ngày 25/9/2023 trả số tiền 1.000.000.000đ tiền gốc

Kỳ 7: Ngày 31/10/2023 trả 9.870.257.440đ tiền gốc và 1.747.799.043đ tiền lãi tính đến ngày 13/4/2023 và toàn bộ tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc tính từ ngày 14/4/2023 đến 31/10/2023 (sau khi đã giảm trừ các lần trả nợ gốc nếu có theo mức lãi suất của Hợp đồng tín dụng số 3519-LAV-202001245 ngày 19/02/2020 và các Phụ lục ký kèm theo và Hợp đồng tín dụng số 3519-LAV-202200504 ngày 17/01/2022 và các Phụ lục ký kèm theo).

Trong trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn T vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết nêu trên thì Công ty trách nhiệm hữu hạn T hóa tiếp tục phải trả lãi đối với số tiền nợ gốc (gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký) trên số ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn T không thanh toán số tiền như đã cam kết ở trên, vi phạm bất kỳ lần trả nợ nào và số tiền phải trả của mỗi thời hạn thì được coi là vi phạm toàn bộ kế hoạch trả nợ và Ngân hàng N có quyền yêu cầu thi hành án và yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo các Hợp đồng thế chấp như sau:

1. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số DN83/2019 ngày 29/8/2019 ký kết giữa Ngân hàng N với Công ty trách nhiệm hữu hạn T và ông Đặng Văn C bao gồm: Quyền sử dụng đất của ông Đặng Văn C với diện tích: 82,5m² tại thửa đất số: 1317-2; Tờ bản đồ số: 2, bản đồ địa chính xã Q; địa chỉ thửa đất: xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 904721 do UBND huyện Q cấp ngày 20/04/2018, số vào sổ cấp GCN: CH-03121 mang tên ông Đặng Văn C.

2. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3519/001/77/2021-TTT ngày 05/05/2021 ký kết giữa Ngân hàng N với ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị T, bao gồm: Quyền sử dụng đất của ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị T với diện tích 92m² tại thửa đất số: 683; Tờ bản đồ số: 1; địa chỉ thửa đất: thôn T, xã Quảng N, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 183232 do UBND huyện Q cấp ngày 07/12/2020, số vào sổ cấp GCN: CH-04522 mang tên ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị T.

3. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số DN10/2020 ngày 20/01/2020 ký kết giữa Ngân hàng N với ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị T, bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị T với diện tích 444m² tại thửa đất số: 40; Tờ bản đồ số: 1; địa chỉ thửa đất tại: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa và tài sản trên đất là nhà ở cấp 4, diện tích xây dựng: 74,4m²; diện tích sàn: 74,4 m²; Kết cấu: Nhà có khung chịu lực, tường xây gạch, mái bê tông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 223029 do UBND huyện Q cấp ngày 14/09/2017, số vào sổ cấp GCN: CH-02298 mang tên ông Bùi Văn H.

4. Hợp đồng thế chấp tài sản số DN-03/2020-04 ngày 19/03/2020 được ký kết giữa Ngân hàng N với ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị T, bên được cấp tín dụng là Công ty trách nhiệm hữu hạn T. Bao gồm: Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô thuộc sở hữu của ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị T. Cụ thể: Xe ô tô HINO biển đăng ký 36C-308.83, chủ xe Bùi Văn H; Nhân hiệu: HINO. Loại xe: Tải chở mô tô, xe máy; Biển đăng ký: 36C-308.83, Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 083687 do Phòng Cảnh sát Giao thông - Công an tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 20/02/2020.

5. Hợp đồng cầm cố tài sản số DN 101/2019 ngày 13/12/2019 được ký kết giữa Ngân hàng N với ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị T. Bao gồm: Tài sản cầm cố là trái phiếu Ngân hàng N theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu Ngân hàng N đợt phát hành ngày 25/12/2018. Mã số: AGRIBANK 182801-35190062. Đặc điểm tài sản: Số lượng: 155 trái phiếu tại ngày 25/12/2018; Mệnh giá trái

phiếu: 1.000.000đ (Một triệu đồng/Trái phiếu); Tổng mệnh giá trái phiếu: 155.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng); Kỳ hạn trái phiếu: 10 năm; Lãi suất: Lãi suất của trái phiếu áp dụng cho toàn bộ kỳ hạn 10 năm là lãi suất thả nổi; Hình thức trái phiếu: Trái phiếu ghi danh được phát hành theo hình thức ghi sổ; Ngày phát hành: 25/12/2018; Ngày đáo hạn: 25/12/2028.

6. Hợp đồng cầm cố tài sản số DN 102/2019 ngày 13/12/2019 được ký kết giữa Ngân hàng N với ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị T. Bao gồm: Tài sản cầm cố là trái phiếu Ngân hàng N theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu Ngân hàng N đợt phát hành ngày 24/09/2019. Mã số: AGRIBANK 192601. Đặc điểm tài sản: Số lượng: 400 trái phiếu tại ngày 24/09/2019; Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000đ (Một triệu đồng/Trái phiếu); Tổng mệnh giá trái phiếu: 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng); Kỳ hạn trái phiếu: 07 năm; Lãi suất: Lãi suất của trái phiếu áp dụng cho toàn bộ kỳ hạn 10 năm là lãi suất thả nổi; Hình thức trái phiếu: Trái phiếu ghi danh được phát hành theo hình thức ghi sổ; Ngày phát hành: 24/09/2019; Ngày đáo hạn: 24/09/2026.

- **Về án phí:** Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải chịu 61.709.028đ (sáu mươi một triệu bảy trăm linh chín nghìn không trăm hai mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng N được nhận lại số tiền 61.328.000đ (sáu mươi một triệu ba trăm hai tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q theo biên lai thu số AA/2021/0009559 ngày 24/10/2022.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ-ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, ng-ời phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a,7b, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án đ-ợc thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Q
- Thi hành án dân sự huyện Q
- Các đ-ơng sự
- L- u HS

THẨM PHÁN

(đã ký)

Bùi Thị Huyền

